

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 11 - 2018

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hòa
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2018/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1979

Nơi cư trú: thôn C, xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn C, xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18 tháng 9 năm 2018 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, anh Lê Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Q (Nay là xã M, thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 28 tháng 01 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh nhận thấy vợ chồng không thể thông cảm và hòa hợp với nhau được nên anh chị đã quyết định sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, không ai còn quan tâm hay hỏi han gì đến ai, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần. Hiện tại, anh thấy mình thật sự

không còn tình cảm gì với chị L nữa nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn với chị L để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Quá trình chung sống anh và chị Lan có 01 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2001. Sau ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị chưa tôn tạo được tài sản chung gì, anh chị không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án.

Về mặt nội dung: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Đ ly hôn với chị L; đề nghị áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng con chung. Do anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu xem xét về tài sản chung của vợ chồng nên không xem xét giải quyết về các vấn đề này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho chị L nhưng chị L không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã Quảng Minh và theo lời khai của ông Nguyễn Bình L (bố đẻ của chị L) cho thấy: Gia đình chị L đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng nói trên của Tòa án và đã thông báo cho chị L biết về nội dung, thời gian đến trụ sở Tòa án cũng như trụ sở Ủy ban nhân dân xã M để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, chị L đều không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án. Ông Nguyễn Bình L cho biết, sau các lần Tòa án triệu tập chị L không về tham gia tố tụng được nhưng chị L thường gọi điện thoại về cho gia đình trình bày mong muốn đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 14 tháng 11 năm 2018, trước đó đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất cho chị L, tuy nhiên, do chị L vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập chị L đến phiên tòa lần thứ hai vào ngày hôm nay (Ngày 29 tháng 11 năm 2018), đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị L, nhưng tại phiên tòa chị L vẫn tiếp tục vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Lê Văn Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Mặt khác, chị L hiện nay đang có hộ khẩu thường trú tại xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần nhưng chị Lan vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị Lan.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Văn Đồng và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung hạnh phúc không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có sự thấu hiểu lẫn nhau dẫn đến hai bên thường xảy ra xung đột, cãi vã. Từ năm 2009 đến nay, hai bên đã sống ly thân và cũng không quan tâm gì đến nhau nên tình cảm không còn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Đ kiên quyết xin được ly hôn với chị L.

Đối với chị Nguyễn Thị L, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng đầy đủ, chị biết rõ việc anh Đ làm đơn xin ly hôn mình và vụ án đang được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, nhưng các lần Tòa án triệu tập đều không có mặt để tham gia giải quyết và nói lên nguyện vọng về quan hệ hôn nhân của mình. Mặt khác, theo trình bày của anh Đ và kết quả xác minh cho thấy, trong khoảng thời gian dài ly thân, chị L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với chồng, con, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Những điều đó chứng tỏ tình cảm của chị L với anh Đ cũng thực sự không còn nữa.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Lê Văn Đ được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị L là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Trong quá trình chung sống, anh Đ và chị L có 01 con chung, tên là Lê Văn H, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2001. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H ở với anh Đ và hiện tại cháu H đã có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với bố. Vì vậy xét nguyện vọng của anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con là hoàn toàn chính đáng và phù hợp nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Chị Nguyễn Thị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Lê Văn Đ trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Anh Lê Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Văn Đ, xử cho anh Lê Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Văn H, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2001 cho anh Lê Văn Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh Đ đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002131 ngày 21 tháng 9 năm 2018. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

